

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Giá trị quyền sử dụng đất		Phân mềm kế toán	Tổng cộng
	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021		
Mua trong năm	-	-	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	59.500.000	59.500.000
Tại ngày 31/12/2021	-	-	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	-	-

Đơn vị tính: VND

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.500.000 đồng

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Tỷ lệ		01/01/2021 VND	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	100%	100%	49.977.375.613	-
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ			866.640.000	-
Cộng			50.844.015.613	866.640.000

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các khoản đầu tư khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	18.226.541.976	-	26.867.670.411	-
Văn phòng Công ty	10.533.637.710	-	18.349.718.952	-
+ Công ty cổ phần Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology	-	-	6.593.129.645	-
+ Công ty HH và thiết kế công trình Nam Ninh - CNN TQ	1.790.324.060	-	1.813.367.062	-
+ Công ty CP Thành Nhơn	1.829.827.064	-	2.179.827.064	-
+ Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	2.154.287.641	-	2.154.287.641	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	4.759.198.945	-	5.609.107.540	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại Đà Nẵng	5.171.180.723	-	5.996.227.916	-
+ Công ty TNHH Thuốc thú y Trung Ương I	5.171.180.723	-	5.996.227.916	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	2.521.723.543	-	2.521.723.543	-
+ Công ty TNHH Thuốc thú y Trung Ương I	2.499.323.543	-	2.499.323.543	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	22.400.000	-	22.400.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.226.541.976	-	26.867.670.411	-
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên có liên quan		7.670.504.266		8.495.551.459
Chi tiết thuyết minh số 7.1				

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	342.722.012	318.783.821	(347.049.389)	314.456.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.560.155.588	24.397.002	(14.207.302)	1.570.345.288
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	228.907.218	457.727.222	(686.634.440)	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	396.977.708	-	(315.855.410)	81.122.298
Cộng	2.528.762.526	805.908.045	(1.368.746.541)	1.965.924.030

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	21.932.764	-	21.932.764	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	21.932.764	-	21.932.764	-
CN CTCP Thuốc thú y TW I tại TP HCM	23.055.159	-	23.055.159	-
+ Trung tâm NC & PT Chăn nuôi heo Bình Thắng	14.962.500	-	14.962.500	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	8.092.659	-	8.092.659	-
Cộng	44.987.923	-	44.987.923	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Lãi vay thế chấp tài sản phải trả	-	1.296.210.000
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.406.500	1.666.406.500
- Chi phí văn phòng phải trả	25.581.920	37.153.343
Cộng	1.691.988.420	2.999.769.843

5.13 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.590.539.317	65.935.409	5.180.367.397	76.907.449
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-	-	-
- Kinh phí công đoàn	45.632.883	45.632.883	49.037.883	49.037.883
- Bảo hiểm xã hội	15.533.203	15.533.203	21.444.953	21.444.953
- Bảo hiểm y tế	3.004.192	3.004.192	4.068.307	4.068.307
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.765.131	1.765.131	2.356.306	2.356.306
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.524.603.908	-	5.103.459.948	-
Văn phòng Công ty	3.665.577.978	-	4.244.434.018	-
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	-	390.212.000	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (*)	700.000.000	-	800.000.000	-
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	-	136.723.837	-
+ Các đối tượng khác	2.438.642.141	-	2.917.498.181	-
Chi nhánh tại Đà Nẵng	91.340.670	-	91.340.670	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y Quảng Nam	81.000.000	-	81.000.000	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Đà Nẵng	10.340.670	-	10.340.670	-
Chi nhánh tại TPHCM	767.685.260	-	767.685.260	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	19.900.000	-	19.900.000	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	-	747.785.260	-
Dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
+ Công ty cổ phần thương mại Sunshine Việt Nam	19.000.000	-	19.000.000	-
+ Công ty cổ phần thể giới di động	580.000.000	-	580.000.000	-
Cộng	5.189.539.317	65.935.409	5.779.367.397	76.907.449

(*) : Đây là khoản ông Tuấn cho Công ty mượn tiền để nộp các khoản thuế không có thời hạn và không tính lãi.

Trong đó

Phải trả khác là các bên có liên quan

700.000.000

800.000.000

Chi tiết thuyết minh số 7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**Các khoản vay

	01/01/2021		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn				
+ Vay các cá nhân	173.823.464.904	173.823.464.904	-	(173.823.464.904)
Cộng	173.823.464.904	173.823.464.904	-	(173.823.464.904)

(*) Các khoản vay cá nhân được thanh toán một phần bằng tiền và một phần hoàn đổi thành cổ phiếu theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 20/02/2021. Theo đó một phần khoản vay được hoàn đổi thành cổ phần theo tỷ lệ 12.5119:1, tương đương 125.119 đồng đổi lấy 1 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.15 Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	82.500.000.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(199.071.653.226)	(115.988.414.288)
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(1.253.065.241)	(1.253.065.241)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	82.500.000.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(200.324.718.467)	(117.241.479.529)
Tăng vốn điều lệ (*)	59.999.690.000	115.119.984.904	-	-	-	-	175.119.674.904
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	7.957.445.344	7.957.445.344
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	142.499.690.000	115.119.984.904	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(192.367.273.123)	65.835.640.719

(*): Công ty đã thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 20/02/2021. Theo đó, vốn điều lệ tăng thêm 59.999.960.000 đồng từ nguồn phát hành cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyển nghiệp 50.000.000.000 đồng và 9.999.960.000 đồng phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay cho các cá nhân/tổ chức. Các khoản vay được hoán đổi thành cổ phần theo tỷ lệ 12,5119:1, tương đương 125.119 đồng đổi lấy 1 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	-
Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
Các cổ đông khác	81.612.710.000	71.613.020.000
Cổ phiếu quỹ	(130.000)	(130.000)
Cộng	142.499.560.000	82.499.870.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	82.500.000.000	82.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	59.999.690.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	142.499.690.000	82.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu:

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.249.969	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.249.969	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.969	8.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.249.956	8.249.987
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.956	8.249.987

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

(*): Các cổ phiếu quỹ phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2014. Đây là số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị khi thực hiện chia cổ phiếu theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

e. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186

Mục đích trích lập các quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	575,77	548,45

 07
 CỘ
 T
 KIẾ
 P
 CH
 MI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.763.420.865	5.499.803.819
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	-	3.668.630.000
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.763.420.865	1.831.173.819
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.763.420.865	5.499.803.819
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>	-	3.668.630.000
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	3.763.420.865	1.831.173.819

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	2.277.000.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	192.691.187	36.175.563
Cộng	192.691.187	2.313.175.563

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.510.370	287.898
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	-
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	3.001.999.454	3.216.031.708
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.470.542	45.554.764
Cộng	3.075.980.366	3.261.874.370

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	10.012.586.100
Chênh lệch tỷ giá	51.977.833	89.693.839
Cộng	51.977.833	10.102.279.939

973
 TY
 H
 TOÁN
 TÀI
 CHÍNH
 BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí nhân công</i>	687.490.653	560.462.276
<i>Chi phí đồ dùng, vật liệu</i>	31.973.545	16.660.000
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	176.502.751	423.453.596
<i>Chi phí thuê, phí lệ phí</i>	463.490.858	481.470.162
<i>Chi phí dự phòng nợ khó đòi</i>	(3.085.312.605)	416.775.597
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	284.756.788	254.202.752
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	560.820.488	742.685.682
Cộng	(880.277.522)	2.895.710.065
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	191.041.181	252.543.264
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	-	57.214.580
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	-	-
Cộng	191.041.181	309.757.844

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	846.503.757	5.677.053.253
Tiền miễn giảm lãi vay của Ngân hàng	-	3.476.471.648
Thu nhập từ nhập hàng vắc xin	521.533.032	2.196.954.685
Thu nhập khác	324.970.725	3.626.920
Chi phí khác	173.026.965	70.873.272
Tiền phạt chậm nộp thuế	12.951.848	-
Thù lao HĐQT, BKS năm 2021	85.200.000	-
Chi phí khác	74.875.117	70.873.272
Cộng	673.476.792	5.606.179.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	-	-
Cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	7.957.445.344	(1.253.065.241)
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>(2.854.867.606)</u>	<u>6.135.924.260</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	147.131.848	9.351.955.968
Chi phí lãi vay không hợp lý theo NĐ 68/2020/NĐ-CP	-	8.852.730.581
Các khoản chi không được khi xác định thuế TNDN	147.131.848	499.225.387
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(3.001.999.454)</u>	<u>(3.216.031.708)</u>
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	(3.001.999.454)	(3.216.031.708)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	5.102.577.738	4.882.859.019
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.102.577.738)	(4.882.859.019)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	645.005.715
Điều chỉnh khác	-	731.510.007
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(1.376.515.722)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	687.490.653	560.462.276
Chi phí đồ dùng, vật liệu	31.973.545	16.660.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	560.235.119	712.172.423
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	(3.085.312.605)	416.775.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.756.788	311.417.332
Chi phí khác bằng tiền	1.024.311.346	1.224.155.844
Cộng	(496.545.154)	3.241.643.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Trong năm tài chính 2021, Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 (công ty con), các thành viên Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là các bên liên quan của Công ty.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Tiền lương trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Tiền lương và phụ cấp		93.448.951	15.887.788
Cộng		93.448.951	15.887.788
Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	-
Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT	12.000.000	-
Lê Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	12.000.000	-
Đặng Tiếp	Trưởng BKS	18.000.000	-
Trần Hồng Quỳnh	Thành viên BKS	9.600.000	-
Nguyễn Văn Đôn	Thành viên BKS	9.600.000	-
Lê Đức Liên	Giám đốc	8.248.951	15.887.788

b. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Bán hàng				
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con	+ Thu tiền hàng	-	9.440.000.000
		+ Bù trừ công nợ	-	57.214.580
Giao dịch khác				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	+ Mượn tiền	500.000.000	210.000.000
		+ Trả tiền mượn	600.000.000	110.000.000
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	+ Hoán đổi vay thành cổ phần	9.704.781.676	-
		+ Thanh toán khoản vay	4.480.960.650	-
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con	+ Chuyển tiền	2.300.000.000	-
		+ Thu hồi tiền vay	6.811.000.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng dài hạn			
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	14.793.129.132	14.793.129.132
Phải thu khác			
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	23.144.866.622	24.653.867.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả người bán		7.670.504.266	8.495.551.459
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	7.670.504.266	8.495.551.459
Vay		-	13.368.312.326
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	-	13.368.312.326
Chi phí phải trả		-	817.430.000
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc đến ngày 01/01/2022	-	817.430.000
Phải trả khác		700.000.000	800.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	700.000.000	800.000.000

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trích từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU HÀ

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN ANH TUẤN